TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2024/DS-ST
Ngày 11-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khưu Liên Dung

2. Bà Dư Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Muội – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXXST-DS ngày 09/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2024/QĐ-ST ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần V**

Trụ sở: Tầng D, 5 Toà nhà Samsora premier, A C, phường Y, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Thành L, chúc vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Hoàng N, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh B

Người đại diện theo uỷ quyền lại của ông Trần Hoàng N: Ông Phạm Quốc Đ, sinh năm 1975

Địa chỉ: 1 Lô B, đường B, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Lưu Văn T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số B P, Khóm F, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Mộng N1**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số F Kênh X, Khóm D, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

(Ông Đ có mặt, ông T, bà N1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Phạm Quốc Đ trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lưu Văn T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 22/13/VAB-BL/HĐHM ngày 10/4/2013 và ông T đã nhận số tiền vay 2.800.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 12/4/2013, thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất vay 17%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh thu mua lúa.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của ông Lưu Văn T, giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Mộng N1, ông Lưu Văn T đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 23/13/VAB-BL/TCBLBĐS ngày 10/4/2013 để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 346, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.572,8m^2 tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 561267 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Vũ N2 07/6/2004 và cập nhật thay đổi chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Mộng N1 ngày 22/3/2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Lưu Văn T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 637.344.109 đồng và sau đó đã vi phạm hợp đồng, ông T không thanh toán đúng thời hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số 22/13/VAB-BL/HĐHM ngày 10/4/2013. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho ông T thanh toán nợ nhưng ông T cố tình không trả nợ, khoản vay của ông T đã quá hạn thanh toán từ ngày 12/4/2014. Tạm tính đến ngày 11/9/2024, ông T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.966.104.167 đồng (trong đó nợ gốc 2.250.000.000 đồng, lãi trong hạn 354.666.667 đồng, lãi quá hạn 6.361.437.500 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lưu Văn T thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 11/9/2024 là 8.966.104.167 đồng (trong đó nợ gốc 2.250.000.000 đồng, lãi trong hạn 354.666.667 đồng, lãi quá hạn 6.361.437.500 đồng) và trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lưu Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng N1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như triệu tập làm việc, thông báo thời gian thẩm định tài sản thế chấp, triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm đúng quy định pháp luật, nhưng ông T và bà N1 đều vắng mặt, không đến tòa làm việc, không nộp văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham dự phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T và bà N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa đúng pháp luật. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn với số tiền tạm tính đến ngày 11/9/2024 là 8.966.104.167 đồng (trong đó nợ gốc 2.250.000.000 đồng, lãi trong hạn 354.666.667 đồng, lãi quá hạn 6.361.437.500 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Lưu Văn T ký kết Hợp đồng tín dụng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng không chứng minh được ông T có đăng ký và hoạt động kinh doanh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại khoản 12.1 Điều 12 của Hợp đồng tín dụng số 22/13/VAB-BL/HĐHM ngày 10/4/2013, các đương sự thoả thuận giải quyết tranh chấp tại Toà án có thẩm quyền nơi Ngân hàng có trụ sở nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về các phiên họp, thông báo việc xem xét thẩm định nhưng bị đơn ông Lưu Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng N1 đều vắng mặt không rõ lý do. Ông T và bà N1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứu 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử

căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà N1 theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc yêu cầu ông Lưu Văn T trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 22/13/VAB-BL/HĐHM ngày 10/4/2013 và Giấy nhận nợ ngày 12/4/2013, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hợp đồng chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Tình tiết nêu trên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng ông T đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ và đến ngày 12/4/2014 đã hết hạn thanh toán, nhưng ông T không thanh toán là vi phạm hợp đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán các khoản tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2024 tổng cộng là 8.966.104.167 đồng (trong đó nợ gốc 2.250.000.000 đồng, lãi trong hạn 354.666.667 đồng, lãi quá hạn 6.361.437.500 đồng) là có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, ông T còn phải thanh toán nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 23/13/VAB-BL/TCBLBĐS ngày 10/4/2013, Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên của ông T là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 346, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.572,8m² tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 561267 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Vũ N2 07/6/2004 và cập nhật thay đổi chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Mộng N1 ngày 22/3/2013 theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 23/13/VAB-BL/TCBLBĐS ngày 10/4/2013 được công chứng tại Văn phòng C ngày 11/4/2013. Tài sản được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền đất huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngày 11/4/2013.

Căn cứ vào Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 07/5/2024 thì tài sản thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm sau: Đất thế chấp thuộc thửa đất số 346, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.572,8m² tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 561267 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Vũ N2 07/6/2004 và cập nhật thay đổi chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Mộng N1 ngày 22/3/2013, hiện trạng đất không thay đổi so với thời điểm ký thế chấp.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp nêu trên được các bên tự nguyện ký kết, hợp đồng được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm là đúng quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 600.000 đồng ông Lưu Văn T phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm ứng trước nên ông T có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền 600.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị đơn ông T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 116.966.104 đồng.

[8] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của y ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn ông Lưu Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Lưu Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V, số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2024 là 8.966.104.167 đồng (trong đó nợ gốc 2.250.000.000 đồng, lãi trong hạn 354.666.667 đồng, lãi quá hạn 6.361.437.500 đồng).

Kể từ ngày 12/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Lưu Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp ông Lưu Văn T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì buộc ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị Mộng N1 giao tải sản thế chấp để Ngân hàng Thương mại cổ phần

V yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định, đối với tải sản sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 346, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.572,8m² tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 561267 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Vũ N2 07/6/2004 và cập nhật thay đổi chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Mộng N1 ngày 22/3/2013 theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 23/13/VAB-BL/TCBLBĐS ngày 10/4/2013 được công chứng tại Văn phòng C ngày 11/4/2013. Tài sản được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền đất huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngày 11/4/2013.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định: Ông Lưu Văn T phải nộp 600.000 đồng. Do Ngân hàng đã tạm ứng trước nên ông T có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền 600.000 đồng cho Ngân hàng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lưu Văn T phải nộp 116.966.104 đồng (một trăm mười sáu triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm lẻ bốn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu. Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí, Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 58.321.333 đồng theo Biên lai thu số 0002420 ngày 27/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được hoàn lại toàn bộ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Chi cục T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ca Kiều Nguyệt